Bs Nguy□n Trung Hi□u -

I. T□NG QUAN:

U nang màng m□m, khác bi□t v□i u nang màng não sau ch□n th□□ng (gãy x□□ng s□ đang ti□n tri□n), và không liên quan đ□n nhi□m trùng. Nang màng nh□n (AC) là nh□ng t□n th□□ng b□m sinh phát sinh trong quá trình phát tri□n do s□ phân tách c□a màng nh□n (do đó g□i là nang trong màng nh□n) và ch□a ch□t l□ng th□□ng gi□ng v□i d□ch não t□y. Chúng không thông th□□ng v□i não th□t ho□c khoang d□□i nh□n. Có th□ kín ho□c có th□ có các vách ngăn.

“H□i ch□ng lão hóa thùy thái d□□ng” là m□t tên g□i đã đ□□c s□ d□ng đ□ mô t□ nh□ng phát hi□n v□ nang màng nh□n □ h□ s□ gi□a. Thu□t ng□ này hi□n đã l□i th□i vì th□ tích não □ m□i bên th□c s□ gi□ng nhau.

Có 2 lo□i mô b□nh h□c :

1. “nang màng nh□n đ□n gi□n”: l□p màng nh□n v□i các t□ bào d□□ng nh□ có kh□ năng ti□t d□ch não t□y. Nang □ h□ s□ gi□a d□□ng nh□ ch□ y□u lo□i này.
2. u nang có l□p lót ph□c t□p h□n, có th□ ch□a th□n kinh đ□m , màng n□i tu□ và các lo□i mô khác.



II. D□CH T□:

T□ l□ m□c: 5 trên 1000. Bao g□m □ 1% khôi u n□i s□.

T□ l□ nam: n□ là 4: 1. Ph□ bi□n h□n □ phía bên trái.

III. PHÂN B□:

Liên quan đ□n màng nh□n các b□ d□ch não tu□ (ngo□i tr□ vùng yên)

Table 15.1 Distribution of arachnoid cysts[1]

Location	%
Sylvian fissure	49
CPA	11
supracollicular	10
vermian	9
sellar & suprasellar	9
interhemispheric	5
cerebral convexity	4
clival	3

IV. LÂM SÀNG:

Tri□u ch□ng đi□n hình

- H□ s□ gi□a : đ□ng kinh, đau đ□u, y□u/li□t n□a ng□□i.
- Vùng trên yên có giãn não th□t: tăng áp l□c n□i s□, m□t th□ l□c, to h□p s□, ch□m phát tri□n, r□i lo□n n□i ti□t…

V. C□N LÂM SÀNG:

1. CT Scanner:

- Nang màng nh□n có b□ đ□u, không calci hoá, m□t đ□ đ□ng đ□u, ngang đ□m đ□ v□i d□ch não tu□.
- Tăng s□n x□□ng xung quanh do s□ phát tri□n m□n tính. Th□□ng liên quan đ□n dãn não th□t (64% nang trên l□u, 80% nang d□□i l□u).
- Các nang □ m□t l□i ho□c h□ s□ gi□a gây hi□u □ng kh□i và có th□ chèn ép não th□t bên cùng bên và gây ra đ□y l□ch đ□□ng gi□a.
- Các nang □ trên yên, c□ não sinh t□ và đ□□ng gi□a h□ s□ sau có th□ chèn ép não th□t ba và t□, gây ra não úng th□y b□ng cách c□n tr□ l□ thoát n□□c c□a Monro ho□c h□ th□ng Sylvian.

Phân lo□i nang màng nh□n trên CT

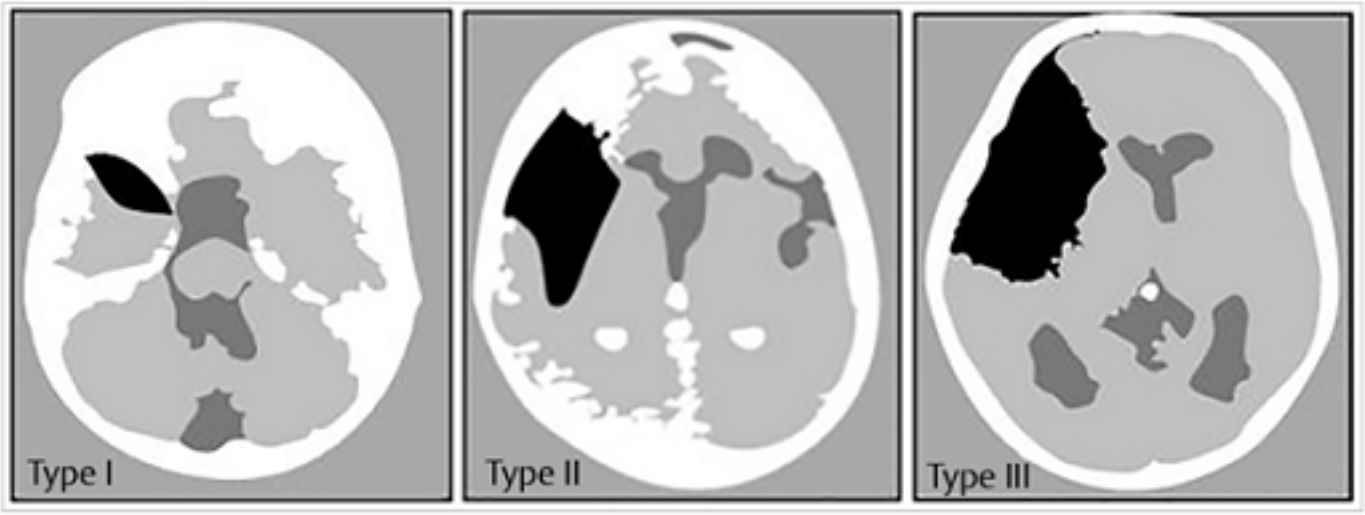


Fig. 15.1 CT Classification of Sylvian fissure arachnoid cysts.[7]
Type I: small, biconvex, located in anterior temporal tip. No mass effect. Communicates with subarachnoid space on water-soluble contrast CT cisternogram (WS-CTC).
Type II: involves proximal and intermediate segments of Sylvian fissure. Completely open insula gives rectangular shape. Partial communication on WS-CTC.
Type III: involves entire Sylvian fissure. Marked midline shift. Bony expansion of middle fossa (elevation of lesser wing of sphenoid, outward expansion of squamous temporal bone). Minimal communication on WS-CTC. Surgical treatment usually does not result in total reexpansion of brain (may approach type II lesion).

2. MRI:

T□t h□n CT trong vi□c phân tích d□ch não t□y ch□a trong nang màng nh□n.

Cũng có th□ cho th□y các thành nang.

VI. ĐI□U TR□:

1. Thông tin chung:

- Nhi□u (nh□ng không ph□i t□t c□) tác gi□ khuy□n cáo không đi□u tr□ u nang màng nh□n không gây ra hi□u □ng kh□i ho□c tri□u ch□ng, b□t k□ kích th□□c và v□ trí c□a chúng.
- Đ□i v□i u nang màng nh□n đ□□c phát hi□n tình c□ □ ng□□i l□n không đ□□c xem xét ph□u thu□t, m□t nghiên c□u hình □nh theo dõi d□n l□ trong vòng 6-8 tháng th□□ng là đ□ đ□ loi tr□ b□t k□ thay đ□i nào (vì chúng có th□ phát tri□n v□ kích th□□c). Các nghiên c□u ti□p theo có th□ đ□□c th□c hi□n n□u các tri□u ch□ng liên quan phát tri□n.
- B□nh nhi có th□ c□n đ□□c theo dõi cho đ□n khi tr□□ng thành.

2. Cân nh□c đi□u tr□ đ□i v□i nang màng nh□n (không bao g□m nang trên yên):

Phương pháp	Ưu điểm	Nhược điểm
Dẫn lưu bằng kim hút hoặc hút qua lỗ mở nhỏ	- Nhanh - Đơn giản	- Tái phát cao - Khảm khuyết thần kinh
Mở sọ, cắt thành nang và mở thông vào bể nền	- Kiểm tra trực tiếp nang (giúp chẩn đoán). - Hiệu quả với nang khu trú. - Tránh phụ thuộc shunt. - Cho phép hình dung các tĩnh mạch cầu nối.	- Nguy cơ tái phát do sẹo dính. - Bệnh nhân có thể phụ thuộc shunt sau này. - Dòng chảy vào khoang dưới nhện giảm. - Tỉ lệ thương tật và tử vong cao (có thể do giảm áp đột ngột).
Nội soi phá thông nang qua lỗ nhỏ	- Như trên	- Như trên
Dẫn lưu shunt vào khoang phúc mạc hoặc hệ thống mạch máu (VP shunt, VA shunt …)	- Điều trị dứt điểm. - Tỉ lệ tàn tật/ tử vong thấp. - Tái phát thấp.	- BN phụ thuộc shunt. - Nguy cơ nhiễm trùng từ shunt.

3. D□n l□u shunt nang màng nh□n:

- Đây có l□ là ph□□ng pháp đi□u tr□ t□t nh□t.
- Đ□i v□i dân l□u vào phúc m□c, nên s□ d□ng van áp l□c.
- N□u có giãn não th□t, có th□ đ□t đ□ng th□i d□n l□u não th□y qua c□ng n□i hình ch□ “Y”.

4. Đi□u tr□ nang trên yên:

Nh□ng nang này s□ có nh□ng ph□□ng pháp đi□u tr□ riêng bi□t:

- C□t nang qua đ□□ng xuyên th□ chai.
- C□t nang qua da: th□ thu□t c□a Pierre-Kahn và c□ng s□, qua l□ khoan g□n đ□□ng gi□a vào não th□t bên và l□ Monro (có th□ s□ d□ng □ng n□i soi não th□t).
- Ti□p c□n qua đ□□ng d□□i trán (đ□ phá thông ho□c c□t b□): nguy hi□m và không hi□u qu□.

VII. D□ H□U:

- Ngay c□ khi đi□u tr□ thành công, thì m□t ph□n nang màng nh□n v□n còn và tái phát.
- Giãn não th□t có th□ xu□t hi□n sau khi đi□u tr□.
- B□nh n□i ti□t v□n t□n t□i ngay c□ khi đi□u tr□ thanh công nang màng nh□n vùng trên yên.